



RSM DTL Auditing
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẪU VÀ CÔNG TY CON**

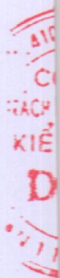
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 27



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu, (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu, tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử - Tin học Sao Bắc Đầu, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty có đầu tư vào 1 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 của thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2012

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Nhóm Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Nhóm Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Nhóm Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Nhóm Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN



Số: 13.196/BCKTHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là Công ty) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty) từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh các thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Nhóm Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGÔ THANH BÌNH

Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		276.267.366.517	172.728.583.196
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.473.615.147	19.668.408.815
1. Tiền	111		6.473.615.147	9.668.408.815
2. Các khoản tương đương tiền	112			10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	250.605.305.499	131.015.655.969
1. Phải thu khách hàng	131		248.190.840.478	122.112.901.989
2. Trả trước cho người bán	132		3.419.026.868	5.589.979.242
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		300.187.034	3.312.774.738
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.304.748.881)	
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	7.785.179.881	16.619.063.295
1. Hàng tồn kho	141		9.659.457.505	17.394.549.713
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.874.277.624)	(775.486.418)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.403.265.990	5.425.455.117
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		646.714.287	347.662.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.013.485.956	1.109.537.346
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	4.743.065.747	3.968.254.893

(phần tiếp theo trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		59.588.920.459	56.239.974.074
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		57.655.509.342	54.514.450.343
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	31.381.063.388	28.265.666.562
+ Nguyên giá	222		48.711.455.386	42.975.178.141
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.330.391.998)	(14.709.511.579)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	20.853.243.905	21.524.786.006
+ Nguyên giá	228		23.578.843.077	23.395.533.536
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.725.599.172)	(1.870.747.530)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	5.421.202.049	4.723.997.775
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.933.411.117	1.725.523.731
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.250.895.124	964.438.997
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.8	512.189.417	561.935.934
3. Tài sản dài hạn khác	268		170.326.576	199.148.800
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		335.856.286.976	228.968.557.270

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		236.514.719.287	130.829.990.583
I. Nợ ngắn hạn	310		235.738.879.287	130.829.990.583
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	73.219.845.110	54.593.714.950
2. Phải trả người bán	312	5.9	132.008.572.489	54.974.705.531
3. Người mua trả tiền trước	313	5.9	6.457.069.340	7.045.166.070
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.10	16.885.466.452	5.731.557.247
5. Phải trả người lao động	315	5.11	3.389.746.618	1.362.868.143
6. Chi phí phải trả	316	5.12	1.660.484.423	4.080.058.994
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	2.117.694.855	3.041.919.648
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		775.840.000	
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	775.840.000	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15.1	93.812.575.724	92.655.269.511
I. Vốn chủ sở hữu	410		93.812.575.724	92.655.269.511
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.15.2	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.900	1.123.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		813.386.788	1.146.765.974
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.15.6	12.648.186.808	11.157.501.409
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	5.16	5.528.991.965	5.483.297.176
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		335.856.286.976	228.968.557.270

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			175.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại + USD		201,06	200,10
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		379.880.624.214	341.635.376.835
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.349.386.828	433.705.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	378.531.237.386	341.201.671.835
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	302.888.684.530	265.060.519.967
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.642.552.856	76.141.151.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		472.835.094	1.444.073.833
7. Chi phí tài chính	22	6.3	6.197.623.092	17.997.622.774
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.087.126.605	10.854.405.357
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	15.282.233.900	14.332.269.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	42.710.233.215	34.812.946.809
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.925.297.743	10.442.386.199
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.167.025.394	3.988.553.229
12. Chi phí khác	32		316.698.186	740.875.249
13. Lợi nhuận khác	40		1.850.327.208	3.247.677.980
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		13.775.624.951	13.690.064.179
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.7	3.686.397.998	3.081.200.470
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.8	49.746.517	288.954.352
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		10.039.480.436	10.319.909.357
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		45.694.789	257.904.404
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	72		9.993.785.647	10.062.004.953
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.15.5	1.249	1.258

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		301.522.847.439	371.088.342.948
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(290.433.361.153)	(304.173.779.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(26.669.448.772)	(22.399.292.008)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.071.262.445)	(10.717.165.978)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.561.790.157)	(1.506.966.313)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.133.604.565	7.394.389.051
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.463.513.247)	(1.540.261.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20		(23.542.923.770)	38.145.267.173
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(4.674.037.422)	(13.706.578.392)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		683.661.269	20.718.437
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		2.800.000.000	3.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1.211.830.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		203.503.553	1.009.267.149
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(986.872.600)	(14.264.762.306)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			606.021.710
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		157.253.290.141	195.491.925.366
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(137.823.273.039)	(205.371.227.051)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.095.014.400)	(6.592.857.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.335.002.702	(15.866.137.367)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(13.194.793.668)	8.014.367.500
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	19.668.408.815	11.654.041.315
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	6.473.615.147	19.668.408.815

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Công ty TNHH Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2010.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Phòng 404, D10 Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Nhóm Công ty).

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	69%	69%

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu, báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Giá trị hàng tồn kho tại Công ty con được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+ Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 8 năm
+ Phần mềm quản lý	3 năm
+ Quyền sử dụng đất	30 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Nhóm Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Nhóm Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC Đẩu VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	260.897.880	523.422.917
Tiền gửi ngân hàng	6.212.717.267	9.144.985.898
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
Tổng cộng	6.473.615.147	19.668.408.815

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	248.190.840.478	122.112.901.989
Trả trước cho người bán	3.419.026.868	5.589.979.242
Các khoản phải thu khác	300.187.034	3.312.774.738
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	251.910.054.380	131.015.655.969
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.304.748.881)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	250.605.305.499	131.015.655.969

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm Công ty.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tại kho Công ty	2.927.870.604	6.764.242.358
Hàng đã xuất kho triển khai	5.843.731.990	7.925.834.452
Kho theo dõi hàng cho thuê	48.326.729	283.705.683
Kho theo dõi hàng Hà Nội	113.832.531	102.652.319
Nguyên liệu, vật liệu	211.265.923	1.561.058.315
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	514.429.728	757.056.586
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.659.457.505	17.394.549.713
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.874.277.624)	(775.486.418)
Giá trị thuần có thể thực hiện	7.785.179.881	16.619.063.295

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng công nhân viên	819.571.150	2.072.431.791
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.923.494.597	1.895.823.102
Tổng cộng	4.743.065.747	3.968.254.893

(phần tiếp theo trang 16)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	14.812.723.510	27.684.984.542	253.100.014	224.370.075	42.975.178.141
Mua trong năm	10.416.000	2.945.011.703	1.489.400.000	134.264.545	4.579.092.248
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	1.467.151.861	-	-	1.467.151.861
Hàng tồn kho chuyển sang	-	3.553.985.779	-	-	3.553.985.779
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.628.543.884)	-	(38.462.728)	(3.667.006.612)
Giảm khác	-	(196.946.031)	-	-	(196.946.031)
Số dư cuối năm	14.823.139.510	31.825.643.970	1.742.500.014	320.171.892	48.711.455.386
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	492.670.080	13.847.819.878	191.231.124	177.790.497	14.709.511.579
Khấu hao trong năm	988.252.184	4.677.534.365	248.043.890	71.224.743	5.985.055.182
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.347.510.368)	-	(16.664.395)	(3.364.174.763)
Số dư cuối năm	1.480.922.264	15.177.843.875	439.275.014	232.350.845	17.330.391.998
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	14.320.053.430	13.837.164.664	61.868.890	46.579.578	28.265.666.562
Số dư cuối năm	13.342.217.246	16.647.800.095	1.303.225.000	87.821.047	31.381.063.388

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 14.645.442.246 đồng - Xem thêm mục 5.8 và 5.14.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.638.390.117 đồng.

Trong năm 2012, Công ty đã kết chuyển một số máy móc thiết bị từ hàng tồn kho sang tài sản cố định để sử dụng tại bộ phận TSC và IT theo Quyết định số 01/2012/QĐ-TGD ngày 31/03/2012, số 02/2012/QĐ-TGD ngày 10/04/2012 và số 03/2012/QĐ-TGD ngày 30/09/2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.144.596.006	1.250.937.530	23.395.533.536
Mua trong năm	-	183.309.541	183.309.541
Số dư cuối năm	<u>22.144.596.006</u>	<u>1.434.247.071</u>	<u>23.578.843.077</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	738.153.200	1.132.594.330	1.870.747.530
Khấu hao trong năm	763.606.758	91.244.884	854.851.642
Số dư cuối năm	<u>1.501.759.958</u>	<u>1.223.839.214</u>	<u>2.725.599.172</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	21.406.442.806	118.343.200	21.524.786.006
Tại ngày cuối năm	<u>20.642.836.048</u>	<u>210.407.857</u>	<u>20.853.243.905</u>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 20.642.836.048 đồng
– Xem thêm mục 5.8.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.106.662.330 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Saigon Pearl	4.332.539.203	3.220.185.105
Công trình Petroland Quận 2	1.088.662.846	580.113.707
Công trình Orient Apartment	-	735.214.138
Công trình V-Star	-	163.571.160
Công trình A&B Tower	-	24.913.665
Tổng cộng	<u>5.421.202.049</u>	<u>4.723.997.775</u>

(phần tiếp theo trang 18)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.8. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	64.719.845.110	47.334.914.950
Vay đối tượng khác	8.500.000.000	7.258.800.000
Tổng cộng	73.219.845.110	54.593.714.950

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 12,7%/năm đến 21%/năm đối với VNĐ và từ 5%/năm đến 7,3%/năm đối với USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng và Quyền sử dụng đất thuê và tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 13.342.217.246 đồng và 20.642.836.048 đồng – Xem thêm mục 5.5 và mục 5.6.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 83B Đường Trần Kế Xương, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 43 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền đòi nợ chưa hình thành và hàng hóa, thiết bị điện tử tin học, phần mềm,... là hàng hóa hình thành từ vốn vay được nhận kèm theo quyền đòi nợ chưa hình thành.
- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty và một số nhóm khách hàng riêng biệt.

Vay đối tượng khác là khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 6 tháng đến 1 năm và chịu lãi suất từ 14%/năm đến 14,5%/năm.

5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	132.008.572.489	54.974.705.531
Người mua trả tiền trước	6.457.069.340	7.045.166.070
Tổng cộng	138.465.641.829	62.019.871.601

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Nhóm Công ty.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	13.021.040.773	2.263.949.637
Thuế xuất, nhập khẩu	4.485.836	246.986.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.686.397.998	3.081.200.470
Thuế thu nhập cá nhân	173.541.845	139.421.098
Tổng cộng	16.885.466.452	5.731.557.247

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11. Phải trả người lao động

Là khoản phải trả lương tháng 13 năm 2012 còn phải trả.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cho các đối tác, chủ đầu tư	882.848.633	501.886.915
Chi phí thi công công trình	383.606.790	3.315.119.808
Khác	394.029.000	263.052.271
Tổng cộng	1.660.484.423	4.080.058.994

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	536.686.186	456.926.786
Tài sản thừa chờ xử lý	96.301.631	96.301.631
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	26.247.975	172.167.677
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.458.459.063	2.316.523.554
Tổng cộng	2.117.694.855	3.041.919.648

Các khoản phải trả phải nộp khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả cho đối tác dịch vụ truyền hình cáp	398.869.758	872.609.407
Phải trả nhà cung cấp	70.517.267	382.976.136
Phải trả cho đối tác dịch vụ điện thoại	3.591.641	100.554.872
Khác	985.480.397	960.383.139
Cộng	1.458.459.063	2.316.523.554

5.14. Vay và nợ dài hạn khác

Là khoản vay ngân hàng bằng VND và chịu lãi suất 19%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại là 1.303.225.000 đồng – Xem thêm mục 5.5.

(phần tiếp theo trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	1.123.900	(330.000)	(101.006.412)	349.878.228	1.260.076.573	8.221.348.384	89.731.090.673
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-	10.062.004.953	10.062.004.953
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(7.110.216.000)	(7.110.216.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	273.580.057	(273.580.057)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(386.890.656)	-	(386.890.656)
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	330.000	-	-	-	-	330.000
Đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ	-	-	-	101.006.412	-	-	-	101.006.412
Tăng do ngừng hợp nhất	-	-	-	-	-	-	314.534.228	314.534.228
Khác	-	-	-	-	-	-	(56.590.099)	(56.590.099)
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	1.123.900	-	-	349.878.228	1.146.765.974	11.157.501.409	92.655.269.511
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	9.993.785.647	9.993.785.647
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	503.100.248	(503.100.248)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	(836.479.434)	-	(836.479.434)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	1.123.900	-	-	349.878.228	813.386.788	12.648.186.808	93.812.575.724

Theo quyết định số 13/2012/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2012, Công ty sử dụng Quỹ dự phòng tài chính để xử lý nghĩa vụ thuế phải nộp theo quyết toán thuế từ năm 2007 đến năm 2011.

CH
ĐÁ
HỮU
587

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	37.471.360.000	27.013.590.000
Cổ đông khác	42.528.640.000	52.986.410.000
Tổng cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

5.15.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	8.000.000.000	7.110.216.000
Cổ tức đã chia trong năm 2012 là cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 10%.		

5.15.4. Cổ phần

▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9.993.785.647	10.062.004.953
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.249	1.258

5.15.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	11.157.501.409	8.221.348.384
Lợi nhuận sau thuế trong năm	9.993.785.647	10.062.004.953
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(503.100.248)	(273.580.057)
Chia cổ tức	(8.000.000.000)	(7.110.216.000)
Hoàn lỗ từ Vietcomnet do giải thể	-	314.534.228
Giảm do thay đổi tỷ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	-	(56.590.099)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	12.648.186.808	11.157.501.409

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.16. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.483.297.176	4.578.138.519
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	605.691.710
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong năm	-	(60.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	45.694.789	257.904.404
Tăng do ngừng hợp nhất Vietcomnet (đã giải thể)	-	44.972.444
Tăng do thay đổi tỷ lệ góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	-	56.590.099
Số dư cuối năm	5.528.991.965	5.483.297.176

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	367.030.238.294	325.451.935.806
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.866.105.530	15.496.153.892
Doanh thu khác	984.280.390	687.287.137
Hàng bán trả lại	(1.349.386.828)	(393.580.000)
Giảm giá hàng bán	-	(40.125.000)
Doanh thu thuần	378.531.237.386	341.201.671.835

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	290.528.986.508	256.206.885.055
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.067.843.108	8.106.049.722
Khác	1.291.854.914	747.585.190
Tổng cộng	302.888.684.530	265.060.519.967

6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.087.126.605	10.854.405.357
Lỗ chênh lệch tỷ giá	86.190.412	6.106.394.533
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư Công ty con Vietcomnet	-	1.036.822.884
Khác	24.306.075	-
Tổng cộng	6.197.623.092	17.997.622.774

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	5.408.203.488	5.366.206.933
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.191.705	157.498.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.073.377.012	1.297.669.076
Chi phí bảo hành	56.677.875	163.936.945
Chi phí Pre-sales	905.864.075	1.173.392.561
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.045.507.473	2.793.404.163
Chi phí bằng tiền khác	3.721.412.272	3.380.161.698
Tổng cộng	15.282.233.900	14.332.269.919

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	26.232.354.125	20.932.075.487
Chi phí công cụ quản lý	702.148.448	601.498.859
Chi phí đồ dùng văn phòng	186.193.127	218.366.060
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.499.328.437	2.903.438.568
Chi phí dự phòng	1.304.748.881	-
Chi phí thuế, phí, lệ phí	14.768.000	24.891.000
Phí chuyển tiền	393.303.970	1.171.874.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.363.359.248	5.928.123.974
Chi phí bằng tiền khác	3.014.028.979	3.032.678.624
Tổng cộng	42.710.233.215	34.812.946.809

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ	226.364.196	23.354.799
Thu nhập khác	1.940.661.198	3.965.198.430
Tổng cộng	2.167.025.394	3.988.553.229

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	13.775.624.951	13.690.064.179
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	20.304.206	595.748.368
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(12.510.683)	(1.961.010.668)
Chuyển lỗ	(198.986.067)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	13.584.432.407	12.324.801.879
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.686.397.998	3.081.200.470
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	3.686.397.998	3.081.200.470

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Nhóm Công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	Chuyển lỗ
Số dư đầu năm trước	850.890.286
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm trước	(288.954.352)
Số dư đầu năm nay	561.935.934
Hạch toán vào kết quả kinh doanh năm nay	(49.746.517)
Số dư cuối năm nay	512.189.417

7. Thông tin về các bên có liên quan

▪ Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đẩu	Công ty con

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Bản chất các giao dịch với các bên có liên quan và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cho vay	-	6.000.000.000
Lãi tiền cho vay	-	826.000.000

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	860.796.540	818.301.850
Thu nhập của Tổng Giám đốc	841.572.000	662.199.090
Tổng cộng	1.702.368.540	1.480.500.940

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Nhóm Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.473.615.147	19.668.408.815
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.186.278.631	125.425.676.727
Tài sản tài chính khác	4.093.821.173	2.094.971.902
Tổng cộng	257.753.714.951	147.189.057.444
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	73.995.685.110	54.593.714.950
Phải trả người bán và phải trả khác	133.258.331.552	57.291.229.085
Chi phí phải trả	1.660.484.423	4.080.058.994
Tổng cộng	208.914.501.085	115.965.003.029

Nhóm Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU VÀ CÔNG TY CON
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
Đô la Mỹ (USD)	3.537.508,14	1.232.926,92	201,06	200,10

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Nhóm Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

▪ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	133.258.331.552	-	133.258.331.552
Các khoản vay	73.219.845.110	775.840.000	73.995.685.110
Chi phí phải trả	1.660.484.423	-	1.660.484.423
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	57.291.229.085	-	57.291.229.085
Các khoản vay	54.593.714.950	-	54.593.714.950
Chi phí phải trả	4.080.058.994	-	4.080.058.994

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU VÀ CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	247.186.278.631	-	247.186.278.631
Tài sản tài chính khác	3.923.494.597	170.326.576	4.093.821.173
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.425.676.727	-	125.425.676.727
Tài sản tài chính khác	2.094.971.902	-	2.094.971.902

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HỒ THỊ HỒNG HẠNH



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN ANH TUẤN